

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/DS-PT
Ngày: 15-5-2024
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất về ranh giới”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLPT-DS ngày 05/3/2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất về ranh giới”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1980; cư trú tại số C, chung cư H, đường số A, cư xá C, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1992; cư trú tại tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Minh H, sinh năm 1975; cư trú tại tổ dân phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Giang N, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh P – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (Văn bản ủy quyền số 1580/UBND ngày 31/10/2023).

2/ Vợ chồng ông Nông Văn Đ, sinh năm 1970, bà Lương Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Trần Quang K – Bị đơn.

(Bà M, bà H và bà L có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày: Vào tháng 7 năm 2021, bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐB812897, thửa đất số 991 tờ bản đồ 17c với diện tích 641m² (trong đó đất ở tại đô thị 200m², đất trồng cây hàng năm 441m²). Vào cuối năm 2021 ông Trần Quang K đã tiến hành xây dựng nhà trên thửa đất số 997, tờ bản đồ 17c là thửa đất liền kề với thửa đất số 991 của bà. Đến khi bà M chuẩn bị bán đất cho người khác thì mới phát hiện ra ông K đã xây dựng hàng rào móng xây gạch, trụ bê tông, thưng lưới B40 lấn qua thửa đất số 991 của bà với diện tích khoảng 40m². Bà M đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Đ tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Nay bà Lê Thị Tuyết M đề nghị Toà án buộc ông Trần Quang K phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 43,1m² thuộc một phần thửa đất số 991 tờ bản đồ 17c, đồng thời phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần diện tích đất đã lấn chiếm gồm có: Hàng rào lưới B40, 10 trụ bê tông cốt thép cao 02m, móng xây gạch cao 0,8m, mặt trước hàng rào xây gạch, trụ xây gạch đổ bê tông cốt thép, lan can bằng sắt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Trần Quang K là bà Đỗ Thị Minh H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 990, tờ bản đồ 17c có diện tích là 650m² của ông Trần Quang K là do nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Tuyết M, bà M chịu trách nhiệm toàn bộ thủ tục mua bán. Diện tích đất khi mua bán có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB812896 được Văn phòng đất đai huyện Đ đo đạc, cắm mốc giao cụ thể đúng diện tích trên sổ. Sau đó ông K làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất ở và tách thành hai thửa quyền sử dụng đất số DD779358 và DD779359 và ông K sử dụng trong diện tích được giao. Bà M là người bán đất cho ông K nên bà M phải có trách nhiệm đảm bảo đủ diện tích đất giao cho ông K. Do đó việc khởi kiện của bà M là không có cơ sở nên ông K không đồng ý. Ngoài ra, bà H không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nông Văn Đ bà Lương Thị L trình bày: Vợ chồng ông Đ, bà L có thửa đất số 157, tờ bản đồ số 17 có diện tích là 1.504m² đã được cấp sổ, nguồn gốc nhận chuyển nhượng vào năm 2005 từ bà Nông Thị Len . Sau đó đến năm 2021 thì vợ chồng ông bà chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho bà Lê Thị Tuyết M. Do đó vợ chồng ông, bà không còn liên quan đến thửa đất đó nữa. Vì vậy đối với việc tranh chấp giữa bà Lê Thị Tuyết M và ông Trần Quang K thì vợ chồng ông bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 28/11/2023, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ là ông Nguyễn Minh P - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ trình bày: Mọi vấn đề liên quan đã cung cấp thông tin cho Toà án và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 28/11/2023, người làm chứng ông Bùi Vương Giang NI – Nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ trình bày:

Đối với phân ranh giới và mốc giữa các thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan trong vụ án so với thực tế thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu và đã có công văn trả lời. Đề nghị Toà án vụ án giải quyết theo quy định.

Vụ án đã được đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Buộc ông Trần Quang K phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 43,1m² thuộc một phần thửa đất số 991 tờ bản đồ 17c, tọa lạc tại tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đồng thời buộc ông Trần Quang K phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần 43,1m² thuộc một phần thửa đất số 991 tờ bản đồ 17c, tọa lạc tại tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng gồm có: Hàng rào lưới B40, 10 trụ bê tông cốt thép cao 02m, móng xây gạch cao 0,8m, mặt trước hàng rào xây gạch, trụ xây gạch đổ bê tông cốt thép, lan can bằng sắt. Chi phí tháo dỡ anh Trần Quang K phải tự chịu (Có họa đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 17/01/2024 bị đơn ông Trần Quang K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại ranh giới thực tế giữa thửa đất số 157 vì khi ông K nhận chuyển nhượng đất của bà M lúc giao đất đã có sẵn cột mốc bê tông phía giáp đất ông Đ, bà L và cuối đất giáp ranh thửa 991 của bà M có đóng

cọc sắt, hiện tại các cọc mốc này vẫn còn và ông K sử dụng đúng ranh. Xem xét việc đo đạc ký xác nhận giáp ranh thửa 990 thành 02 thửa là 996 và 997.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà M không đồng ý với kháng cáo của ông K, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông K. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Tuyết M cho rằng diện tích đất thửa 991, tờ bản đồ số 17c tọa lạc tại tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng của bà M, ông Trần Quang K đã lấn sang một phần diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà nên yêu cầu ông K trả lại. Bị đơn ông K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất về ranh giới” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang K thì thấy rằng:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo hồ sơ thể hiện diện tích 1.504m² thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ 17 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K793958 ngày 10/09/1997 mang tên bà Nông Thị S. Năm 2005 bà S chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ, bà L. Ngày 12/4/2021 vợ chồng ông Đ, bà L chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất số 157 cho bà M. Bà M tách thửa đất số 157, tờ bản đồ 17 nói trên thành hai thửa: gồm thửa đất số 990, tờ bản đồ 17c có diện tích 650m²(đất nông nghiệp) và thửa đất số 991, diện tích là 641m² (đất ở 200m², đất trồng cây hàng năm khác 441m²). Ngày 06/9/2021 bà M đã chuyển nhượng thửa đất số 990, tờ bản đồ 17c cho ông K. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà M thì ông K đã chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nông thôn và tách thành 02 thửa là thửa 996 diện tích 330m², thửa 997 diện tích 320m² và làm nhà ở, xây hàng rào trên thửa 997 giáp với thửa 991 của bà M. Quá trình ông K xây nhà và làm hàng rào bà M không có ý kiến gì. Mãi đến tháng 4/2022 khi xem đất thửa 991 để chuyển nhượng cho người khác bà M mới

khiếu nại việc thiếu đất, ngày 15/5/2022 bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ông K lấn đất.

Theo Hợp đồng đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 26/12/2023 của Công ty TNHH A (Bl số 125), thể hiện: nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà L đều sử dụng đất không đúng theo ranh hợp đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, ông Đ, bà L đang sử dụng diện tích 29,7m² thuộc một phần thửa 996 cấp cho ông K, ông K sử dụng 41.3m² thuộc một phần thửa 991 cấp cho bà M. Bà M sử dụng 2,3m² thuộc đường bê tông. Quá trình giải quyết vụ án bà M cho rằng khi nhận chuyển nhượng thửa đất 157 của ông Đ, bà L thì bà chỉ mua theo diện tích trên sổ, không xác định tứ cận và diện tích cụ thể, bà không trực tiếp nhận đất mà nhờ người môi giới đi nhận đất. Ông Đ, bà L xác định khi chuyển nhượng đất cho bà M hai bên thống nhất giá cả và làm thủ tục ra sổ cho bà M. Khi giao đất không đo diện tích cụ thể theo tứ cận nhưng đã cắm ranh đất bằng trụ bê tông, bà M không ý kiến gì nên ông bà không còn trách nhiệm gì với bà M. Hiện tại, trụ bê tông này vẫn còn và là ranh đất của vợ chồng ông bà và đất ông K tại thửa 996. Phía bị đơn trình bày khi nguyên đơn chuyển nhượng đất cho bị đơn được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cắm mốc giao đất. Về ranh giới phía giáp đất ông Đ, bà L đã có sẵn mốc giới là trụ bê tông, phía ranh giáp với thửa 991 của bà M đóng cọc sắt, vì mua đất để xây nhà ở nên bị đơn yêu cầu cắm mốc cụ thể. Hiện nay bị đơn vẫn đang sử dụng đất đúng với ranh khi nhận chuyển nhượng đất của nguyên đơn.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 990 cấp cho bà M có mặt giáp đường bê tông là 30.8m. Sơ đồ thửa đất in trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K thửa 996 mặt giáp đường bê tông là 15m, thửa 997 là 15.8m (BL số 22,23,24). Khớp với hợp đồng hiện trạng sử dụng đất ngày 26/12/2023 của Công ty TNHH A, mặt giáp đường bê tông vị trí số (3) bị đơn sử dụng là 30,8m. Đồng thời, thửa 996 của bị đơn phần giáp đất ông Đ, bà L có 29.7m² thuộc một phần thửa 996 (thửa 157 cũ) do ông Đ, bà L đang sử dụng là tương ứng với diện tích tranh chấp vị trí số (2) là 25.4m² theo hợp đồng. Bị đơn nhận chuyển nhượng của nguyên đơn thửa 90, diện tích 650m² (sau đó tách thành 2 thửa 996/330m², thửa 997/320m²) theo hợp đồng đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 26/12/2023 của Công ty TNHH A diện tích đất thực tế bị đơn đang sử dụng thửa 996 và 997, vị trí số (1) + (2) là 593.3m² + 25.4m² = 618.7m² (thiếu 31.3m²).

Như vậy, Hợp đồng đo vẽ đã thể hiện tổng hiện trạng sử dụng đất tại các thửa: 137 (747) của ông Đ, bà L; thửa 996, 997 của bị đơn và thửa 991 của nguyên đơn. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đề cập gì đến thửa 996 mà chỉ xác định theo ranh thửa 997 của bị đơn và thửa 991 của nguyên đơn và cho rằng bị đơn lấn đất của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, như đã phân tích trên bị đơn nhận chuyển nhượng của nguyên đơn thửa 990 diện tích 650m² nhưng thực tế bị đơn đang sử

dụng chỉ có 618.7m², thiếu 31.3m². Do đó, nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn đất của nguyên đơn là không có căn cứ.

Ngoài ra, tại phần nhận định của bản án sơ thẩm (BL 176) căn cứ vào Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 26/12/2023 của Công ty TNHH A (BL số 125) thể hiện diện tích đất tranh chấp vị trí số (2) là 25.4m² nhưng họa đồ kèm theo bản án sơ thẩm là họa đồ do thẩm phán ký xác nhận, trong đó xác định phần đất bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn là 43.1m² là không đúng. Bởi lẽ, phần diện tích 17,7m² thuộc một phần thửa 991, theo Họa đồ đo vẽ không nằm trong vị trí đất tranh chấp.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá hết 14.108.000đ (bà M đã nộp và quyết toán xong). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này.

[4] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Quang K phải chịu phải chịu 5.515.343 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị quyền sử dụng tranh chấp là 101.177.250 đồng là không đúng. Bởi lẽ, vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì đương sự chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ nên cần rút kinh nghiệm.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang K, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất về ranh giới” với bị đơn ông Trần Quang K đối với diện tích đất 43,1m² thuộc thửa 991, tờ bản đồ số 17c, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M về việc yêu cầu ông Trần Quang K phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần 43,1m² thuộc một phần thửa đất số 991 tờ bản đồ 17c, tọa lạc tại tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị Tuyết M phải chịu số tiền 14.108.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản (bà M đã ứng chi và quyết toán xong).

3. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000481 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng. Bà M được nhận lại số tiền 11.700.000 đồng án phí còn thừa.

Hoàn trả cho ông Trần Quang K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007865 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện Đa Tềh;
- Chi cục THADS huyện Đa Tềh;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đức Huỳnh Châu Thạch

Vũ Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện Đa Tềh;
- Chi cục THADS huyện Đa Tềh;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đức Huỳnh Châu Thạch

Vũ Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện Đạ Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đạ Tẻh;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm Huỳnh Châu Thạch

Vũ Thị Nguyệt